

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ KON TUM
TỈNH KON TUM**

Bản án số: 31/2021/HS-ST

Ngày 09 - 4 - 2021

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ KON TUM, TỈNH KON TUM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Hồng Dung.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Y Blur và ông Trương Duy Cảnh .

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Lê Uyên Thư – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kon Tum tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2021 tại Hội trường xét xử trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 26/2021/HSST ngày 12 tháng 3 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2021/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 3 năm 2021 đối với bị cáo:

Nguyễn Tấn C (Tên gọi khác: Không), sinh năm 1991, tại tỉnh Kon Tum. Nơi cư trú: Số nhà N, đường K, phường T, thành phố K, tỉnh Kon Tum; nghề nghiệp: Không ổn định; trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T1 (Đã chết) và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1963; bị cáo có vợ là Lê Thị Huyền T và có 02 con; Tiền sự: Không. Nhân thân: Ngày 15/3/2014, bị xử phạt hành chính về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”. Tiền án: 01. Ngày 31/5/2016, bị Tòa án nhân dân thành phố K xử phạt 03 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” (chưa được xóa án tích). Đến tháng 9/2017 thực hiện hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, ngày 18/01/2018 bị khởi tố, ngày 31/01/2018 bị truy nã, ngày 15/12/2020 bị bắt theo quyết định truy nã và bị tạm giam cho đến nay “có mặt”.

- Người bị hại: Chị Đinh Thị Hồng D, sinh năm 1986.

Nơi cư trú: Số M, đường L, phường T, thành phố K, tỉnh Kon Tum. “Có mặt”.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1/ Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1963.

Nơi cư trú: Số N, đường K, phường T, thành K, tỉnh Kon Tum. “Có mặt”.

2/ Chị Lê Thị Huyền T, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Số nhà L, đường S, phường D, thành phố K, tỉnh Kon Tum. "Có

mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 06/8/2017, do có quen biết nhau nên Nguyễn Tấn C. Sinh năm 1991, HKTT: Số N, đường K, phường T, thành phố K đến nhà chị Đinh Thị Hồng D, sinh năm 1986, trú tại số M, đường L, phường T, thành phố K vay số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng), khi vay tiền Nguyễn Tấn C đã viết và kí tên vào “giấy mượn tiền và cam kết trả nợ” đề ngày 06/8/2017 với thời hạn vay từ ngày 06/8/2017 đến ngày 06/9/2017, lãi suất hai bên tự thỏa thuận. Sau đó, C đã tiêu xài cá nhân hết số tiền trên. Khi quá hạn thời hạn trả tiền, Nguyễn Tấn C không trả lại cho chị D số tiền đã vay, đồng thời đổi số điện thoại, cắt đứt liên lạc với chị D và bỏ trốn vào thành phố H.

Ngày 15/12/2020, Nguyễn Tấn C bị lực lượng Công an TP. H bắt truy nã theo quyết định số 03 ngày 31/01/2018 của Cơ quan CSĐT Công an TP.K.

Tại bản kết luận giám định số 17 ngày 15/12/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Kon Tum kết luận: Chữ ký, chữ viết họ tên “Nguyễn Tấn C” dưới mục “Người mượn tiền” trên tài liệu cần giám định (giấy mượn tiền và cam kết trả nợ) với chữ ký, chữ viết của Nguyễn Tấn C trên các tài liệu mẫu so sánh (các tờ khai CMND của Nguyễn Tấn C) là do cùng một người ký, viết ra.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã tác động gia đình khắc phục, hoàn trả lại số tiền đã vay, người bị hại không yêu cầu gì thêm và làm đơn bãi nại cho bị cáo.

Bản cáo trạng số: 30/CT-VKSTPKT ngày 11 tháng 3 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố K đã truy tố bị cáo Nguyễn Tấn C về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” theo điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố K luận tội và giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, khoản 5 Điều 65, khoản 2 Điều 55 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Tấn C từ 06 đến 09 tháng tù, tổng hợp hình phạt với bản án số: 35/2016/HS-ST ngày 31/5/2016 của Tòa án nhân dân thành phố K, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của 02 bản án. Về trách nhiệm dân sự không ai có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa, bị cáo không tranh luận với đại diện Viện kiểm sát và chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu giải quyết vấn đề gì về dân sự; Người bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được

tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố K, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố K, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Qua phần xét hỏi công khai tại phiên tòa hôm nay bị cáo khai nhận: Vào ngày 06/8/2017, bằng hình thức hợp đồng vay tiền, Nguyễn Tấn C đã vay của chị Đinh Thị Hồng D số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng). Sau đó, Nguyễn Tấn C đã tiêu xài hết số tiền trên cắt đứt liên lạc với chị D và bỏ trốn vào TP.H, không trả lại tiền cho chị Đinh Thị Hồng D.

[3] Xét, lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa là hoàn toàn phù hợp với các chứng cứ như biên bản lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, kết luận giám định chữ ký, chữ viết; phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn tấn C đã bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố K truy tố về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” theo điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[4] Khi thực hiện hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản bị cáo là người đã đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi với lỗi cố ý, thông qua việc ký hợp đồng vay tiền, bỏ trốn, không còn khả năng trả lại tài sản. Số tiền chiếm đoạt trên 4.000.000 đồng. Hành vi đó của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ nên cần phải xử phạt bị cáo với mức án tương xứng với tính chất mức độ hành vi nguy hiểm mà bị cáo gây lên để đảm bảo tính giáo dục riêng, phòng ngừa chung.

[5] Tuy nhiên khi quyết định hình phạt đối với bị cáo cần xem xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự bị cáo phải chịu tình tiết quy định điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự về tái phạm. Vì, bị cáo đang chấp hành hình phạt tù được hưởng án treo lại tiếp tục phạm tội; Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã tác động gia đình bồi thường khắc phục toàn bộ hậu quả gây nên, thật thà khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, người bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Các tình tiết này được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Hội đồng xét xử sẽ áp dụng các tình tiết giảm nhẹ mà bị cáo được hưởng, giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà cải tạo thành người sống có ích cho xã hội. Xét về nhân thân, bị cáo là người có nhân thân xấu, đã từng bị xử phạt hành chính, bị kết án 01 lần về hành vi chiếm đoạt tài sản nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học rút kinh nghiệm để sống và làm việc lương thiện, do đó nên cần

cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để cải tạo, giáo dục bị cáo thành người công dân sống biết tôn trọng pháp luật.

[6] Bị cáo phạm tội trong thời gian chấp hành hình phạt tù, nhưng được hưởng án treo, do đó cần áp dụng khoản 5 Điều 65 và Điều 55, 56 Bộ luật hình sự để tổng hợp hình phạt của bản án đang chấp hành số: 35/2016/HS-ST ngày 31/5/2016 của Tòa án nhân dân thành phố K với mức án 36 tháng tù, cộng với mức hình phạt của bản án này (Thời hạn tù được tính từ ngày bị tạm giam 15/12/2020) để buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án nhưng được trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/8/2015 đến ngày 31/5/2016.

[7] Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo, vì bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định.

[8] Đối với chị Lê Thị Huyền T, trú tại Số nhà L, đường S, phường D, thành phố K, tỉnh Kon Tum (vợ C) đã đến vay của chị Đinh Thị Hồng D số tiền 15.000.000 đồng và kí xác nhận vào “giấy mượn tiền và cam kết trả nợ” đề ngày 06/8/2017 mà Nguyễn Tấn C đã lập trước đây. Tuy nhiên việc vay tiền trên chỉ do một mình chị T đứng ra xác lập và vay tiền. Sau một thời gian, chị T cũng đã hoàn thành đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, chị D cũng không yêu cầu gì thêm. Xét thấy việc vay tiền trên chỉ là giao dịch dân sự giữa Lê Thị Huyền T và Đinh Thị Hồng D; Đồng thời, ngoài chữ ký chị D vay 15.000.000đ thì chị D còn ký và viết họ tên trong giấy mượn tiền mà C vay tiền của chị D thì chị D, T đều khai chữ ký đó do chị D nói T ghi sau khi C nhận tiền để làm tin cho việc C vay tiền chứ T không liên quan đến số tiền C vay, số tiền C vay chỉ mình C nhận tiền và sử dụng, T không liên quan đến hành vi phạm tội của Nguyễn Tấn C nên Cơ quan CSĐT Công an TP.K không xử lý đối với T là đúng, không đề cập đến nữa.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Bà L không yêu cầu C phải trả lại số tiền bà đã trả thay C cho chị D và chị D cũng không có yêu cầu giải quyết gì thêm về vấn đề dân sự nên không xem xét giải quyết.

[10] Về án phí Hình sự sơ thẩm buộc bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Tấn C phạm tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”.

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 175; khoản 1 Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điểm h khoản 1 Điều 52; Khoản 5 Điều 65; điểm a khoản 1 Điều 55; khoản 2 Điều 56 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Tấn C 09 (Chín) tháng tù.

Tổng hợp hình hình phạt của 02 bản án buộc bị cáo Nguyễn Tấn C phải chấp hành là:

36 (Ba sáu) tháng + 09 (Chín) tháng = 45 (Bốn lăm) tháng tù, thời hạn tù tính

từ ngày tạm giữ, tạm giam 15/12/2020 (được trừ đi thời gian đã tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/8/2015 đến ngày 31/5/2016).

- Về án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự. Áp dụng Điều 6; khoản 3 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Nguyễn Tấn C phải nộp 200.000 đồng (*Hai trăm ngàn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự, bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân Tỉnh Kon Tum để xin xét xử phúc thẩm trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- Vụ 1 TANDTC;
- TAND cấp cao Đà Nẵng;
- TAND Tỉnh Kon Tum;
- VKSND TP K;
- VKSND Tỉnh Kon Tum;
- Cơ quan điều tra TP K;
- Cơ quan thi hành án hình sự;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP K;
- Người bị hại;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Vũ Thị Hồng Dung